

**STIC Pan-Asia 4th Industry
Growth Private Equity Fund**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: STICP4IGF/TB-01/2026
No: STICP4IGF/TB-01/2026

Tp. Hồ Chí Minh., ngày 07 tháng 09 năm 2026
Ho Chi Minh City, 07 September 2026

THÔNG BÁO

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED
PERSONS OF INTERNAL PERSON.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không Taseco

To:

- *The State Securities Commission;*
- *The Stock Exchange;*
- *Taseco Air Services Joint Stock Company*

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức: **STIC Pan-Asia 4th Industry Growth Private Equity Fund**

Name of individual/organisation:

- Quốc tịch/*Nationality:* **Hàn Quốc/South Korea**

- Số Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:* **883-86-01029 Ngày cấp/Date of issue: 10/05/2018 Nơi cấp/Place of issue: Samseong District Tax Office, Hàn Quốc/ Samseong District Tax Office, South Korea**

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:* **12, Teheran-ro 78-gil, Gangnam-gu, Seoul 06194, Hàn Quốc// 12, Teheran-ro 78-gil, Gangnam-gu, Seoul 06194, Korea**

- Điện thoại/Telephone:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company*: **Người có liên quan của người nội bộ là thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco/ Related person of internal person being a Member of the Board of Directors of Taseco Air Services Joint Stock Company.**

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund)*:

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person*: **Hongjin Kim**

- Quốc tịch/*Nationality*: **Hàn Quốc/South Korea**

- Số Hộ chiếu/ *Passport No.*: **M38532281**

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address*: **Tòa nhà d'Edge, Số 207 đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường An Khánh, TP. HCM, Việt Nam/ D'Edge Apartment, 207 Nguyen Van Huong, Ward An Khanh, Ho Chi Minh City, Vietnam**

- Điện thoại liên hệ/*Telephone*: Fax: Email: **hjkim@stic.co.kr**

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company*: **Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco/Member of the Board of Directors of Taseco Air Services Joint Stock Company**

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person*: **Giám đốc của STIC Pan-Asia 4th Industry Growth Private Equity Fund / Managing Director of STIC Pan-Asia 4th Industry Growth Private Equity Fund**

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any)*: **Không có/None**

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*: **AST**

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (for covered warrants)*: **Không có/None**

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above*: **BIDFCC1731**
tại ngân hàng lưu ký: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam/
BIDFCC1731 at depository bank: Bank for Investment and Development of Viet Nam, JSC

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction*: **5.400.000 cổ phiếu, 10,00%/5,400,000 shares, 10.00%**

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */*Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants **: **Không có/None**

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap*:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap*: **bán/sell**

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*: **5.400.000 cổ phiếu/5,400,000 shares**

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/*The expected value of transaction (which calculated based on par value)*: **54.000.000.000 đồng/ VND 54,000,000,000**

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants)*: **Không có/None**

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction*: **0 cổ phiếu, 0%/ 0 share, 0%**

9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction*: **Thoái vốn/Divestment**

10. Phương thức giao dịch/*Method of transaction*: **Khớp lệnh và/hoặc Thỏa thuận/Order matching and/or Put through**

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time*: từ ngày **11/09/2026** đến ngày **10/10/2026**/*from 11 September 2026 to 10 October 2026*

* *Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice:*

Nơi nhận:

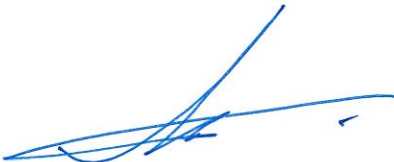
Recipients:

- Như trên;
- As above;
- Lưu: VT
- Archived.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)



HONGJAI KIM